HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/NQ-HĐND	*Châu Thành, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 15/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách cho các Phòng, ban, ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn số tiền **10.291.265.470** đồng *(Bằng chữ: Mười tỷ, hai trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).*

(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022./.

***Nơi nhận*:**
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- UBMTTQ, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- các ban, ngành huyện;
- TT. HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Phòng TC-KH, KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH T. TRÀ VINH

Huỳnh Công Lập

Phụ lục 01

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 72 /NQ-HĐND, ngày 16 /12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên đơn vị / Nội dung	Nguồn kinh phí bổ sung				Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí hỗ trợ một số chế độ chính sách và nhiệm vụ khác (bố trí trong dự toán năm 2022)	Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2022	Nguồn kết dư ngân sách huyện (nguồn cải cách tiền lương)	
BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2022		**10.067.877.157**	**2.587.420.040**	**7.204.403.760**	**276.053.357**	
I	**Các phòng, ban ngành huyện**	**4.073.671.943**	**2.276.693.586**	**1.520.925.000**	**276.053.357**	
1	**Phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**982.033.436**	**982.033.436**			
	- Kinh phí thực hiện cải tạo, bảo dưỡng, trồng mới cây xanh, đèn hòa, hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện Châu Thành	627.533.000	627.533.000			
	- Kinh phí thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Châu Thành	354.500.436	354.500.436			
2	**Công an huyện Châu Thành**	**450.000.000**	**450.000.000**	**0**	**0**	
	- Kinh phí đối ứng mua sắm doanh cụ, khánh tiết hội trường	450.000.000	450.000.000			
3	**Văn phòng HĐND- UBND huyện**	**265.766.800**	**265.766.800**	**0**	**0**	
	- Kinh phí sửa chữa nhà làm việc Thanh tra huyện làm nơi tiếp công dân giải quyết thủ tục hành chính về căn cước công dân và BHXH	75.766.800	75.766.800			
	- Kinh phí chi trả điện, nước dùng chung khu hành chính tập trung huyện	190.000.000	190.000.000			
4	**Ban Chỉ huy Quân sự huyện**	**99.360.000**	**99.360.000**	**0**	**0**	
	- Kinh phí trang bị máy điều hòa nhiệt độ Hội trường BCH Quân sự	99.360.000	99.360.000			
5	**Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện**	**1.520.925.000**	**0**	**1.520.925.000**	**0**	

Số TT	Tên đơn vị / Nội dung	Nguồn kinh phí bổ sung				Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí hỗ trợ một số chế độ chính sách và nhiệm vụ khác (bố trí trong dự toán năm 2022)	Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2022	Nguồn kết dư ngân sách huyện (nguồn cải cách tiền lương)	
	Kinh phí hỗ trợ hỗ trợ nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND và kinh phí hỗ trợ mai táng phí	1.520.925.000		1.520.925.000		
6	**Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện**	**429.000.000**	**429.000.000**	**0**	**0**	
	Kinh phí lập đề cương và dự toán kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (thực hiện phê duyệt trong năm 2022)	429.000.000	429.000.000			
7	**Thanh Tra huyện**	**50.533.350**	**50.533.350**	**0**	**0**	
	- Kinh phí giải quyết chính sách đối với Công chức Dương Văn Vinh thôi việc theo nguyện vọng	50.533.350	50.533.350	0		
8	**Trung tâm Giáo dục thường xuyên**	**43.664.676**	**0**	**0**	**43.664.676**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	43.664.676			43.664.676	
9	**Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao**	**48.022.395**	**0**	**0**	**48.022.395**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	48.022.395			48.022.395	
10	**Phòng Nông nghiệp và PTNT**	**4.395.500**	**0**	**0**	**4.395.500**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	4.395.500			4.395.500	
11	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	**115.856.530**	**0**	**0**	**115.856.530**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	115.856.530			115.856.530	
12	**Thanh tra**	**27.183.614**	**0**	**0**	**27.183.614**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	27.183.614	0		27.183.614	
13	**Phòng Nội vụ**	**5.802.060**	**0**	**0**	**5.802.060**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	5.802.060			5.802.060	
14	**Phòng Giáo dục và Đào tạo**	**2.989.522**	**0**	**0**	**2.989.522**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	2.989.522	0		2.989.522	
15	**Phòng Tư Pháp**	**9.668.841**	**0**	**0**	**9.668.841**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	9.668.841	0		9.668.841	

Số TT	Tên đơn vị / Nội dung	Nguồn kinh phí bổ sung				Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí hỗ trợ một số chế độ chính sách và nhiệm vụ khác (bố trí trong dự toán năm 2022)	Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2022	Nguồn kết dư ngân sách huyện (nguồn cải cách tiền lương)	
16	**Trung tâm Chính trị huyện Châu Thành**	**4.505.539**	**0**	**0**	**4.505.539**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	4.505.539	0		4.505.539	
17	**Hội liên hiệp Phụ nữ huyện**	**13.964.680**			**13.964.680**	
	Bổ sung kinh phí nâng bậc lương trong năm 2022	13.964.680	0		13.964.680	
II	**UBND các xã, thị trấn**	**310.726.454**	**310.726.454**	**0**		
1	**Thị trấn**	**10.000.000**	**10.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	10.000.000	10.000.000			
2	**Đa Lộc**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
3	**Mỹ Chánh**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
4	**Thanh Mỹ**	**14.000.000**	**14.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	14.000.000	14.000.000			
5	**Song Lộc**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
6	**Lương Hòa**	**108.726.454**	**108.726.454**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	14.000.000	14.000.000			
	- Kinh phí thực huyện duy tu bão dưỡng đường đal ấp Ô Chính B xã Lương Hòa	94.726.454	94.726.454			
7	**Lương Hòa A**	**14.000.000**	**14.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	14.000.000	14.000.000			

Số TT	Tên đơn vị / Nội dung	Nguồn kinh phí bổ sung				Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí hỗ trợ một số chế độ chính sách và nhiệm vụ khác (bố trí trong dự toán năm 2022)	Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2022	Nguồn kết dư ngân sách huyện (nguồn cải cách tiền lương)	
8	**Nguyệt Hóa**	**12.000.000**	**12.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	12.000.000	12.000.000			
9	**Hòa Thuận**	**18.000.000**	**18.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	18.000.000	18.000.000			
10	**Hòa Lợi**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
11	**Phước Hảo**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
12	**Hưng Mỹ**	**16.000.000**	**16.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	16.000.000	16.000.000			
13	**Long Hòa**	**20.000.000**	**20.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	20.000.000	20.000.000			
14	**Hòa Minh**	**18.000.000**	**18.000.000**			
	- Kinh phí bầu cử trưởng ban nhân dân ấp, khóm nhiệm kỳ 2022-2025 kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn tỉnh Trà Vinh	18.000.000	18.000.000			
III	**UBND huyện**	**5.683.478.760**		**5.683.478.760**		
	Ngân sách tỉnh BSMT trả nguồn cho ngân sách huyện khi thực hiện các chế độ chính sách	5.683.478.760		5.683.478.760		

Phụ lục 02

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số .72 /NQ-HĐND, ngày 16 /12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên đơn vị / Nội dung	Số tiền	Ghi chú
ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN		**223.388.313**	
1	**Giảm dự toán hoạt động**	**97.220.000**	
	- Văn Phòng Huyện ủy Châu Thành	97.220.000	
2	**Giảm dự toán tiền Lương + phụ cấp**	**126.168.313**	
	Ủy ban Mặt trân Tổ quốc Viêt Nam huyện Châu Thành	126.168.313	
ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN		**182.130.250**	
1	Văn phòng HĐND & UBND huyện	61.000.000	
2	Văn phòng Huyện ủy	121.130.250	
III	**Thu hồi ngân sách huyện**	**41.258.063**	